TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày 08/7/2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Mạnh Thắng và bà Lê Thị Thanh Thùy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Phương Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Điện Biên *tham gia phiên tòa:* Bà Lường Phương Thảo, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 3 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 81/2025/TB-TLVA ngày 26 tháng 4 năm 2025, về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2025; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị K; sinh năm 1994; nơi ĐKTT: Bản V, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là Bản V, xã B, tỉnh Điện Biên); nơi ở hiện nay: Bản H, xã Q, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt có lý do.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị K có: Ông Nguyễn Đình T - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ. Có mặt.

Bị đơn: Anh Lò Văn P; sinh năm 1986; ĐKTT: Bản Vánh II, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là Bản V, xã B, tỉnh Điện Biên); hiện nay đang chấp hành tại Đội 14M, phân trại số 1 Trại giam Q; địa chỉ: Xã H, Đ, tỉnh Quảng Ninh (nay là Phường H, tỉnh Quảng Ninh). Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 4 năm 2025 và Biên bản ghi lời khai trong quá trình tố tụng của nguyên đơn chị Lò Thị K và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lò Thị K và anh Lò Văn P tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2016, đến ngày 17/02/2017 đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là xã B, tỉnh Điện Biên). Kết hôn trên tình thần tự nguyện, không bị ép buộc. C sống hạnh phúc với nhau đến năm 2019, đến đầu năm 2020 phát hiện anh P sử dụng ma túy. Gia đình đã khuyên nhủ anh P nhiều nhưng anh P không thay đổi. Vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Đến năm 2022,

anh P bị phạt tù về tội liên quan đến ma túy, hiện đang chấp hành án tại Trại giam Q. Trong thời gian anh P đi chấp hành án, chị K có xuống thăm gặp anh P được vài lần. Nhưng khoảng hơn một năm nay chị K không còn thăm gặp anh P do thấy bản thân không còn tình cảm với anh P. Chị K không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, vì vậy chị K yêu cầu Tòa án giải quyết cho K được ly hôn với anh Lò Văn P.

Về con chung: Chị Lò Thị K và anh Lò Văn P có 01 con chung tên là Lò Diệu L; sinh ngày 23/02/2017. Khi ly hôn chị K nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ phải trả, nợ thu về: Không có.

Về án phí: Chị Lò Thị K là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên có đơn đề nghị miễn án phí.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Lò Văn P. Tại đơn xin vắng mặt, anh Lò Văn P không có ý kiến về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung, anh P có ý kiến xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Nguyện vọng của cháu Lò Diệu L: Cháu Lò Diệu L có nguyện vọng được ở cùng với mẹ, vì ở với mẹ được chăm sóc và đi học đầy đủ.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ lời trình bày của đương sự và kết quả xác minh của Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lò Thị K, cho chị Lò Thị K ly hôn với anh Lò Văn P; giao con chung là Lò Diệu L; sinh ngày 23/02/2017 cho chị Lò Thị K trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động; Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 24, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị K là người dân tộc thiểu số; sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện: Xét đơn khởi kiện của chị Lò Thị K và anh Lò Văn P thì được xác định là vụ án ly hôn theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Thẩm quyền giải quyết: Thời điểm chị Lò Thị K nộp đơn khởi kiện, anh Lò Văn P có nơi ĐKTT tại bản Vánh II, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là xã B, tỉnh Điện Biên); nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố

tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 Nghị quyết Thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; điểm b khoản 1 Điều 5; khoản 1 Điều 6 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

Sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự đúng theo quy định Điều 174; Điều 175 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị K và anh P đều xin vắng mặt, do vậy HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị K và anh Lò Văn P đăng ký kết hôn ngày 17/02/2017, đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên (Nay là xã B, tỉnh Điện Biên); kết hôn trên cơ sở tự nguyện; thực hiện theo đúng trình tự đăng ký kết hôn; nên xác định hôn nhân của K và anh P là hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật Hôn nhân & gia đình.

Xét về yêu cầu giải quyết ly hôn: Giữa chị K và anh P đã có mâu thuẫn do anh P sử dụng ma túy, không tu chí làm ăn xây dựng gia đình; đã được gia đình khuyên nhủ nhiều nhưng anh P không thay đổi dẫn đến vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nay anh P cũng vì sử dụng ma túy, nên đã có hành vi phạm tội và đang chấp hành án tại Trại giam Q. Chị K có thăm anh P vài lần, nhưng sau này chị không thăm anh P vì chị K thấy không còn tình cảm với anh P. Như vậy thấy rằng, hôn nhân giữa chị K và anh P đã có rạn nứt, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; nên yêu cầu xin ly hôn của chị K là có cơ sở. Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình; HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị K, cho chị Lò Thị K ly hôn với anh Lò Văn P.

[3]

Về con chung: Chị Lò Thị K và anh Lò Văn P có 01 con chung tên là Lò Diệu L; sinh ngày 23/02/2017. Xét thấy hiện tại anh P đang chấp hành án nên không đảm bảo về điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Hơn nữa nguyện vọng được ở cùng mẹ của cháu L hoàn toàn phù hợp với yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của chị K do vậy yêu cầu của chị K là có cơ sở chấp nhận. Để con chung của chị K và anh P có cuộc sống ổn định, không bị xáo trộn, có điều kiện phát triển tốt nhất về cả thể chất lẫn tinh thần; Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu giao nuôi con chung của chị K. Việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị K, xét thấy không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của con chung, nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ phải trả, nợ thu về: Không có.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 24, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và đơn đề nghị miễn án phí; Hội đồng xét xử xét thấy chị K là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn đề nghị miễn án phí; vì vậy chị K đủ điều kiện để miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Điện Biên đưa ra đề nghị về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

- Khoản 1 Điều 24, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lò Thị K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị K được ly hôn với anh Lò Văn P.

2. Về con chung: Giao cho chị Lò Thị K trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là Lò Diệu L; sinh ngày 23/02/2017 cho đến khi đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị Lò Thị K có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con, cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Anh Lò Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh P thực hiện quyền này.

Chị Lò Thị K và anh Lò Văn P có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ phải trả, nợ thu về: Không có.

4. Về án phí: Chị Lò Thị K được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị K và anh Lò Văn P có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND Khu vực 3 - Điện Biên;
- Cơ quan THADS tỉnh Điện Biên;
- Đương sự;
- UBND xã Búng Lao;
- Lưu.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN CỦA HĐXX **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Mạnh Thắng **Lê Thị Thanh Thùy** **Lương Thị Nga**